TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 216/2026/HS-ST
Ngày: 28-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Cẩm Loan
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đỗ Thị Mỹ Hạnh;
2. Ông Lê Minh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Danh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Thành Thiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 166/2026/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2026/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Lê Quốc H**, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh năm 1996, tại tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Cao Đài; nơi đăng ký thường trú: Khu phố N, phường N, tỉnh Tây Ninh (đã xoá năm 2022); nơi ở hiện nay: Khu phố T, phường B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 7/12; con ông: Lê Văn N, sinh năm 1976 và bà Bùi Thị C, sinh năm 1978; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không có; tiền sự: Có 01 tiền sự: tại Quyết định số 06/QĐ-XPHC ngày 19-01-2026 của Công an phường B, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, chưa nộp phạt.

Nhân thân:

Tại Quyết định số: 30/QĐ-TA ngày 03-4-2018 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian là 15 tháng, đã chấp hành xong.

Tại Quyết định số: 108/QĐ-XPHC ngày 13-4-2021 của Công an phường N, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, đã nộp phạt ngày 22-4-2021.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 26-02-2026, tạm giam từ ngày 07-3-2026 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam B, Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. **Nguyễn Thành Q**, tên gọi khác: Không có; giới tính: Nam; sinh năm 1986 tại Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không có; Nơi đăng ký thường trú: Khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm rẫy; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958, đã chết và bà Trần Thị Y, sinh năm 1960, đã chết; vợ, con: Chưa có; tiền án: Có 01 tiền án: tại Bản án số: 14/2020/HSST ngày 04-3-2020 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xử phạt 02 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý"; tiền sự: Không có.

Nhân thân:

Tại Quyết định số: 10/QĐ-XPHC ngày 26-12-2023 của Công an phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Chưa nộp phạt, đã hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 26-02-2026, tạm giam từ ngày 07-3-2026 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam B, Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. **Phạm Văn T**, sinh năm 1986, tại tỉnh Tây Ninh; tên gọi khác: Không có; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; Trình độ học vấn: 9/12; con ông: Phạm Văn Ú, sinh năm 1961 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1963; vợ: Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1990, con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không có; tiền sự: Có 01 tiền sự, tại Quyết định số: 04/QĐ-XPHC ngày 19-01-2026 của Công an phường B, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Đã nộp phạt ngày 13-3-2026.

Nhân thân:

Tại Quyết định số: 30/QĐ-XPHC ngày 04-12-2023 của Công an xã T, thành phố T, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Đã nộp phạt ngày 21-02-2024.

Bị can bị tạm giữ từ ngày 26-02-2026, tạm giam từ ngày 07-3-2026 cho đến nay tại Phân Trại tạm giam B, Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ ngày 22-02-2026, Phạm Văn T đến nhà Nguyễn Thành Q chơi rồi tự lấy chai nhựa, ống hút, tẩu thủy tinh chế tạo thành bộ dụng cụ sử dụng ma túy. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, người tên V (chưa xác định nhân

thân, lai lịch) đến nhà Q chơi và cho Q một bịch ma túy rồi đi về. Sau đó, Q lấy ma túy đổ vào bộ dụng cụ T vừa chế tạo rồi cùng T thay phiên nhau hút hết số ma túy rồi cất bộ dụng cụ trên đầu giường của Q. Do có nhu cầu sử dụng ma tuý nên vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 25-02-2026, Lê Quốc H điều khiển xe mô tô đến cây săng 53, đường Đ thuộc phường N, tỉnh Tây Ninh để gặp người phụ nữ tên Tú A (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) để mua ma tuý. Sau khi mua tuý H điều khiển xe mô tô đến chòi mãng cầu của người dân khu vực bến Bà M nằm ngủ, đến khoảng 19 giờ cùng ngày H đến nhà của Nguyễn Thành Q. Khi đến nhà Q đã có mặt T, H ngồi chơi, sau đó H lấy một bịch ma túy dạng túi zip ra hỏi Q có bộ dụng cụ sử dụng không để cả ba cùng sử dụng thì Q nói T biết chỗ cất. T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy cất ở đầu giường đưa cho H. H lấy một ít ma túy đổ vào bộ dụng cụ đốt lên sử dụng trước rồi lần lượt đến T, Q thay phiên nhau sử dụng. Số ma túy còn lại H để ở trên đầu giường dự định sẽ sử dụng hết thì bị Công an phường B, tỉnh Tây Ninh phát hiện, bắt quả tang.

Ngoài ra vào khoảng 23 giờ ngày 24-02-2026, Lê Quốc H còn bán 01 đoạn ống hút hàn kín hai đầu chứa ma túy giá 300.000 đồng cho Nguyễn Trung T2, sinh năm 1990, ngụ ấp T, xã T, tỉnh Tây Ninh tại khu vực cầu X thuộc khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh. Sau khi mua được ma túy, T2 mang về cất giấu thì bị Công an phường B phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ 0,1707 gam ma túy, loại Methamphetamine.

Qua xét nghiệm, Nguyễn Thành Q, Phạm Văn T, Lê Quốc H đều dương tính với chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số 704/KL-KTHS ngày 02-3-2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận:

+ Mẫu chất màu nâu (ký hiệu M1) bám dính bên trong 01 (một) đoạn ống thủy tinh có một đầu dạng phễu gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng 0,0141 gam.

+ Mẫu tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M2) bên trong 01 (một) bịch nylon dạng túi zip viền xanh (kích thước 04x04cm) gửi đến giám định là chất ma túy; Loại Methamphetamine; Khối lượng 0,1358 gam.

Quá trình điều tra, Lê Quốc H, Nguyễn Thành Q, Phạm Văn T, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Có bản thống kê kèm theo.

Qua xác minh, Lê Quốc H, Nguyễn Thành Q, Phạm Văn T không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Cáo trạng số 112/CT-VKSKV10, ngày 01-7-2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Quốc H về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Thành Q, Phạm Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thống nhất với nội dung với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh giữ quyền công tố, trong phần tranh luận đã giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý", bị cáo Nguyễn Thành Q và Phạm Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

Về trách nhiệm hình sự:

+ Đối với Lê Quốc H:

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Quốc H từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Quốc H từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

Căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt theo quy định.

+ Đối với Nguyễn Thành Q: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 2 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Q từ xử phạt từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

+ Đối với Phạm Văn T: Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ xử phạt từ 08 (tám) năm đến 09 (chín) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý theo quy định: Tịch thu tiêu huỷ các vật chứng liên quan đến vụ án, trả lại tài sản không liên quan vụ án.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng:

Bị cáo H: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Q: Bị cáo hối hận hành vi của bị cáo và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T: Bị cáo hối hận hành vi của bị cáo và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Lê Quốc H, Nguyễn Thành Q và Phạm Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án, có đủ cơ sở xác định: Trong thời gian từ ngày 22-02-2026 đến ngày 26-02-2026, tại nhà của bị cáo Q thuộc khu phố N, phường B, tỉnh Tây Ninh, bị cáo Q và bị cáo T đã 02 lần tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý, trong đó ngày 22-02-20296, bị cáo Q cung cấp ma tuý, địa điểm sử dụng ma tuý, bị cáo T chế tạo bộ dụng cụ cho cả hai cùng sử dụng ma tuý; ngày 25-02-2026, bị cáo Q cung cấp địa điểm sử dụng ma tuý, bị cáo T chế tạo dụng cụ sử dụng ma tuý, bị cáo H cung cấp ma tuy để sử dụng, khi cả ba đang sử dụng ma tuý thì bị Công an phường B, tỉnh Tây Ninh phát hiện bắt quả tang và thu giữ tang vật. Ngoài ra, vì mục đích tư lợi, ngày 24-02-2026, bị cáo H bán ma tuý cho Nguyễn Trung T2 với giá 300.000 đồng, khi T2 mang ma tuý về cất giấu để sử dụng thì bị Công an phường B bắt quả tang. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không bị hạn chế về nhận thức, biết rõ tác hại của ma tuý nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo H đã cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma tuy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; hành vi của bị cáo Q và bị cáo T đã cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh truy tố các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3.1] Ma túy là chất gây nghiện, việc mua bán, sử dụng phải được cơ quan chức năng của Nhà nước cho phép. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của các bị cáo rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương, ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến sức khỏe và sự phát triển lành mạnh bình thường của con người. Bởi lẽ, hậu quả của việc sử dụng trái phép chất ma túy gây ra cho xã hội là rất nặng nề, nó

gây tác hại lâu dài cho nòi giống, phát sinh mâu thuẫn trong cộng đồng, làm tiêu hao tiền bạc của bản thân và gia đình của người sử dụng, gây tổn hại về tình cảm, ảnh hưởng đến đạo đức, thuần phong mỹ tục lâu dài của dân tộc, còn có thể làm phát sinh các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải có mức hình phạt tương xứng, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3.2] Các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên thuộc trường hợp đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn. Trong đó, bị cáo H là người cung cấp ma túy để cùng nhau tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo Q và bị cáo T là người cung cấp địa điểm, dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, căn cứ Điều 58 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ được áp dụng đối với các bị cáo để có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của các bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo H và bị cáo T có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý, bị cáo Q có một tiền án, các bị cáo đều có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q đã bị kết án theo Bản án số: 14/2020/HSST ngày 04-3-2020 của Toà án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, chưa được xoá án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H và bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện kinh tế của các bị cáo thu nhập không ổn định, các bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung.

[6] Về xử lý vật chứng Căn cứ Điều 46, Điều 47 và Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng như sau:

[6.1] Tịch thu tiêu huỷ công cụng sử dụng phạm tội và vật Nhà nước cấm tàng trữ gồm:

01 (một) bìa thư niêm phong ghi số 704/M1 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thị Tuyết M1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn màu đỏ của

Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 đoạn ống thuỷ tinh có một đầu dạng phễu;

01 (một) bìa thư niêm phong ghi số 704/M2 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thị Tuyết M1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có bịch nylon chưa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M2) là Methamphetamine, có khối lượng 0,1135 gam;

01 (một) bật lửa màu trắng, đã qua sử dụng;

01 (một) bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng;

01 (một) chai nhựa có nắp chai màu đen, trên nắp chai nhựa khoét hai lỗ có gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng.

[6.2] Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước các vật chứng sau:

01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro, màu xanh đen, số IMEI 1: 86553062818382, số IMEI 2: 865553062818390, đã qua sử dụng;

Số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma tuý.

[6.3] Trả lại các tài sản không liên quan:

Trả lại cho bị cáo Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số IMEI 1: 357648103000035, số IMEI 2: 357649103000033, đã qua sử dụng;

Trả lại cho bị cáo T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen bạc, số seri 1: 359008097028484, số seri 2: 359008097528483, đã qua sử dụng.

[7] Về các vấn đề khác:

[7.1] Đối với người tên Tú A bán ma tuý cho bị cáo H để bán lại cho Nguyễn Trung T2 và tổ chức sử dụng ma tuý ngày 25-02-2026 cùng với bị cáo Q và bị cáo T do chưa xác định được nhân dân, lai lịch nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[7.2] Đối với người tên V đưa ma tuý cho bị cáo Q cùng bị cáo T tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý vào ngày 22-02-2026 do chưa xác định được nhân dân, lai lịch nên chưa làm việc được, khi nào làm việc được sẽ xử lý sau.

[7.3] Đối với hành vi "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" của Nguyễn Trung T2 đã được xử lý trong vụ án khác.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tụng Hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điểm b khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Quốc H phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Lê Quốc H 04 (bốn) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy", tổng hợp hình phạt chung là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2026.

2. Căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành Q phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Q 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2026.

3. Căn cứ điểm a, b Khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26 tháng 02 năm 2026.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

4.1. Tịch thu tiêu huỷ:

01 (một) bìa thư niêm phong ghi số 704/M1 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thị Tuyết M1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có 01 đoạn ống thuỷ tinh có một đầu dạng phễu.

01 (một) bìa thư niêm phong ghi số 704/M2 có chữ ký của Giám định viên Nguyễn Thị Tuyết M1, trợ lý giám định Tạ Minh P và dấu tròn đỏ của Phòng K Công an tỉnh T, bên trong có bịch nylon chưa tinh thể rắn màu trắng (ký hiệu M2) là Methamphetamine, có khối lượng 0,1135 gam.

01 (một) bật lửa màu trắng, đã qua sử dụng;

01 (một) bật lửa màu đỏ, đã qua sử dụng;

01 (một) chai nhựa có nắp chai màu đen, trên nắp chai nhựa khoét hai lỗ có gắn 01 (một) ống hút nhựa màu hồng.

4.2. Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước:

01 (một) điện thoại di động hiệu Redmi Note 11 Pro, màu xanh đen, số IMEI 1: 86553062818382, số IMEI 2: 865553062818390, đã qua sử dụng;

4.3. Bị cáo Lê Quốc H phải nộp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào Ngân sách Nhà nước là tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma tuý.

4.4. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thành Q 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A20, màu đen, số IMEI 1: 357648103000035, số IMEI 2: 357649103000033, đã qua sử dụng;

4.5. Trả lại cho bị cáo Phạm Văn T 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 230, màu đen bạc, số seri 1: 359008097028484, số seri 2: 359008097528483, đã qua sử dụng.

(Vật chứng đang được lưu giữ tại Kho vật chứng và tài liệu, đồ vật thuộc Công an tỉnh T theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 23-3-20206.)

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí.

Bị cáo Lê Quốc H, Nguyễn Thành Q, Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

7. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án và thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 10 - Tây Ninh;
- CQCSĐT Công an tỉnh Tây Ninh;
- CQTHAHS tỉnh Tây Ninh;
- Phân Trại tạm giam Bình Minh, Trại Tạm giam số 1, Công an tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- PTHADS KV 10 – Tây Ninh;
- UBND Xã/Phường;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Cẩm Loan